CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tổng Công ty PISICO Bình Định - CTCP

Ngày 31/12/2025	10,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**-8.3%**

DT thuần
Q4/25
113
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 30.0| 35.8%
YoY: ▲ 9.00| 8.4%

LN thuần
Q4/25
15.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.9| 490%
YoY: ▲ 4.20| 36.9%

LN sau thuế
Q4/25
11.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.26| 271%
YoY: ▼24.6| -68.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
9.9%
YoY: +/-▼ 7.3%

ROE
2025
4.4%
YoY: +/-▼ 8.7%

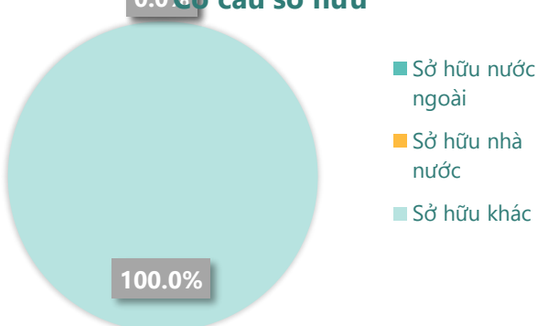
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,500 - 16,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	289
Số lượng CPLH (CP)	27,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.28)
EPS	720
P/E	14.6

DT thuần
2025
390
tỷ VNĐ
YoY: ▼72.0| -15.5%

LN thuần
2025
28.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.5| -30.7%

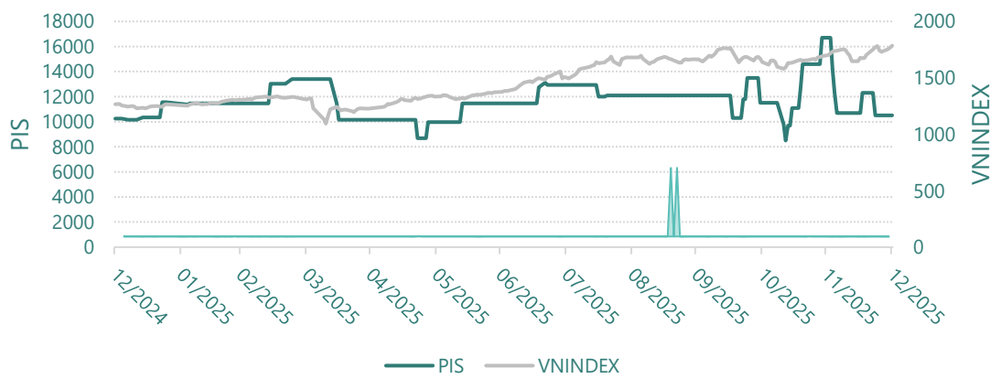
LN sau thuế
2025
23.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼36.2| -60.5%

Cơ cấu sở hữu

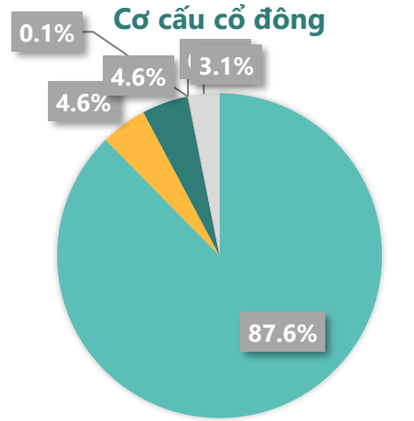


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

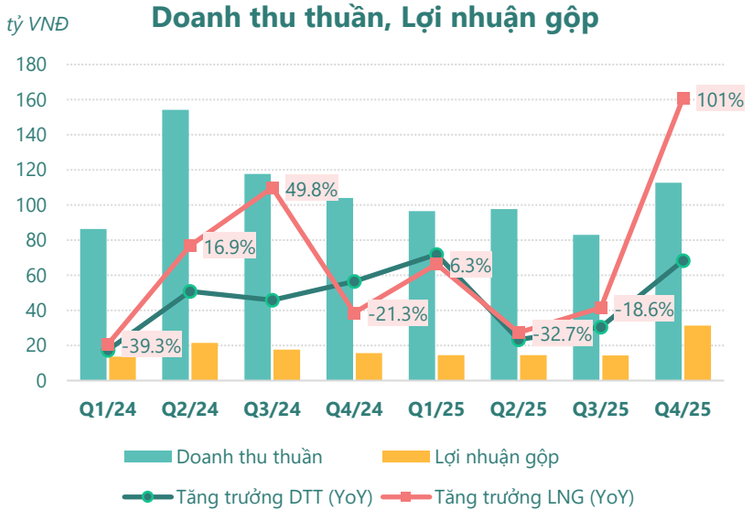


- Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy
- Lâm Ánh Vy
- Lâm Duy Việt (Phó Tổng giám đốc)
- Nguyễn Minh Hậu
- Nguyễn Hoàng Lam (Kế toán trưởng)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

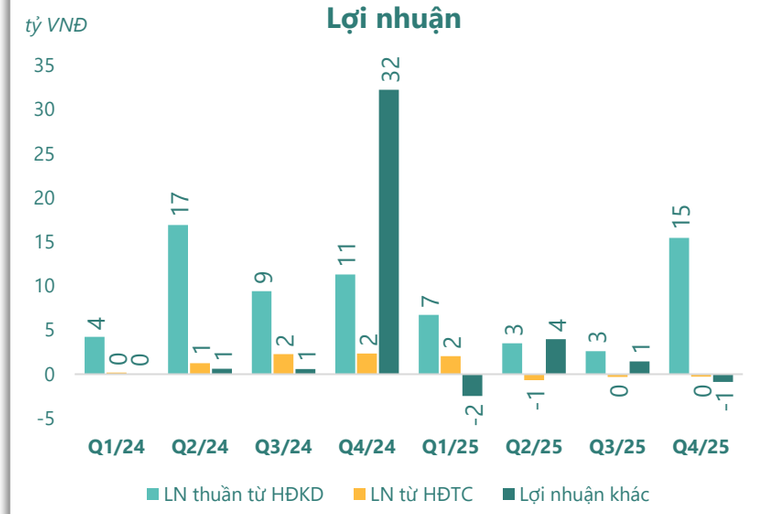
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



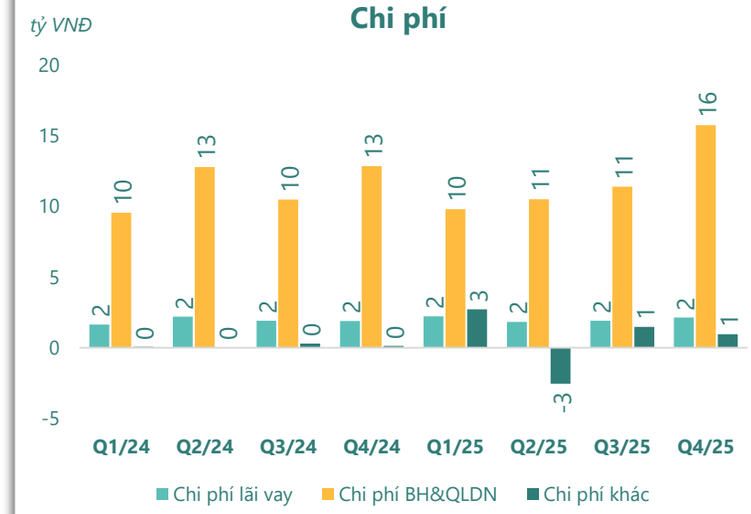
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



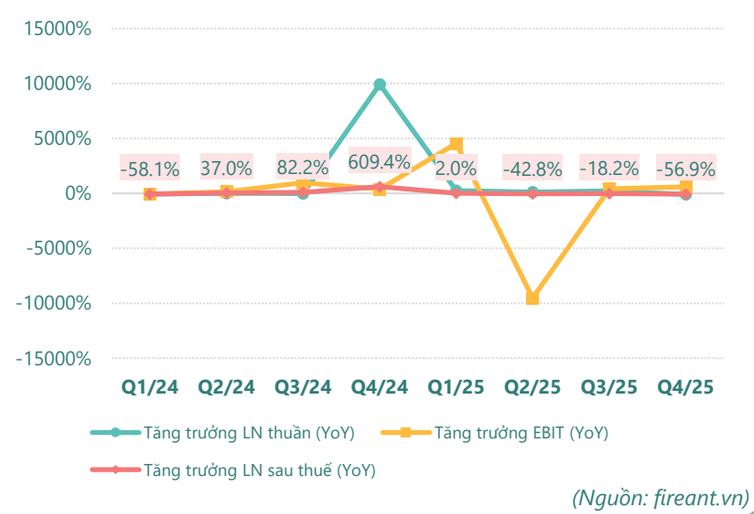
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



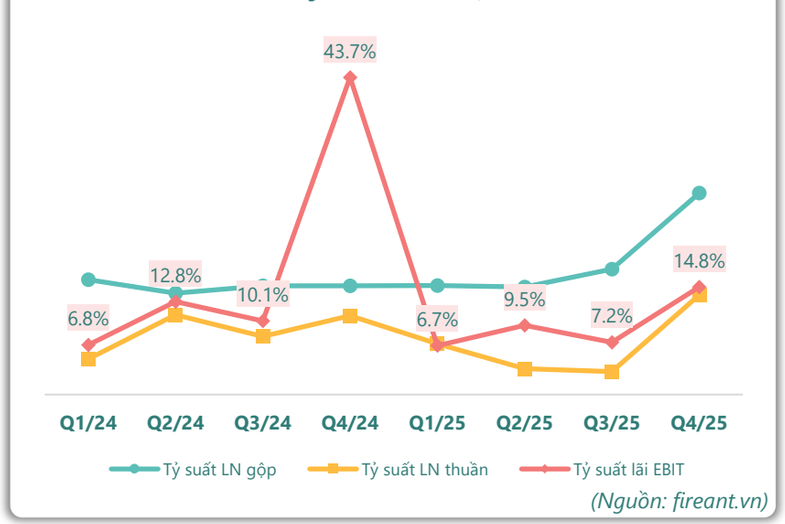
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



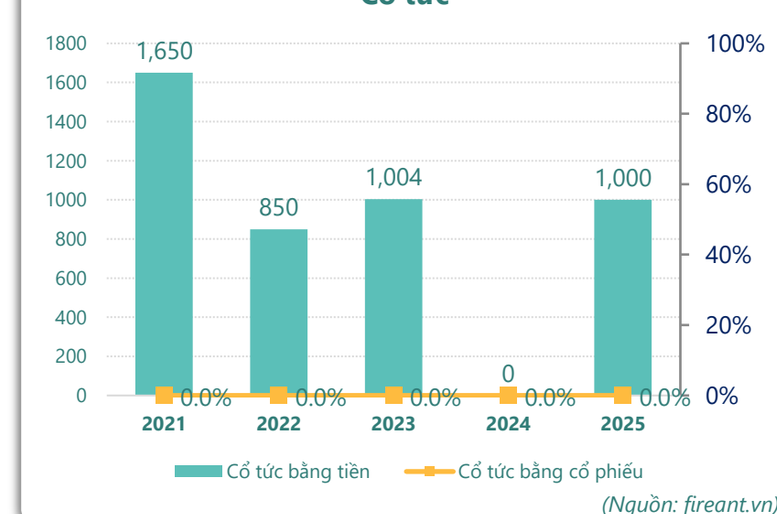
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

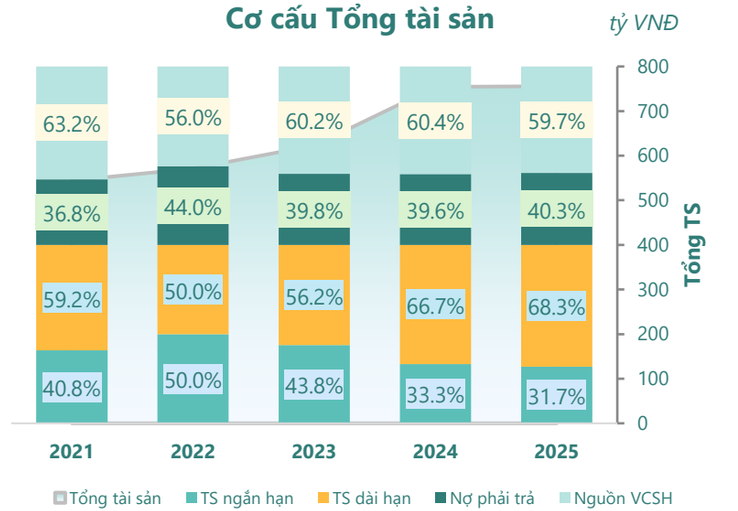
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

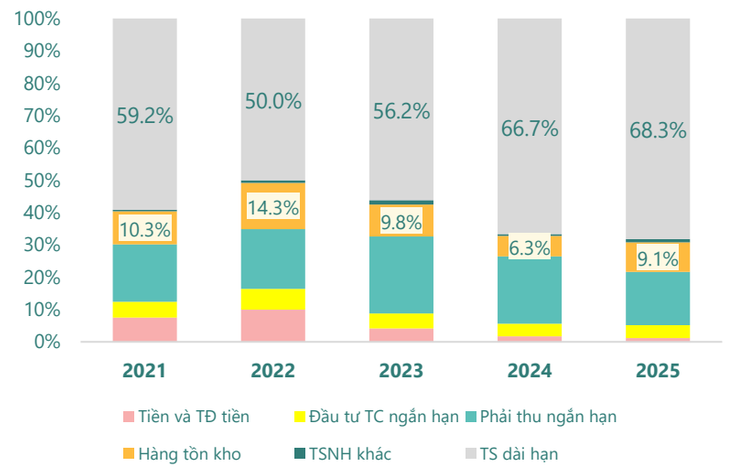
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



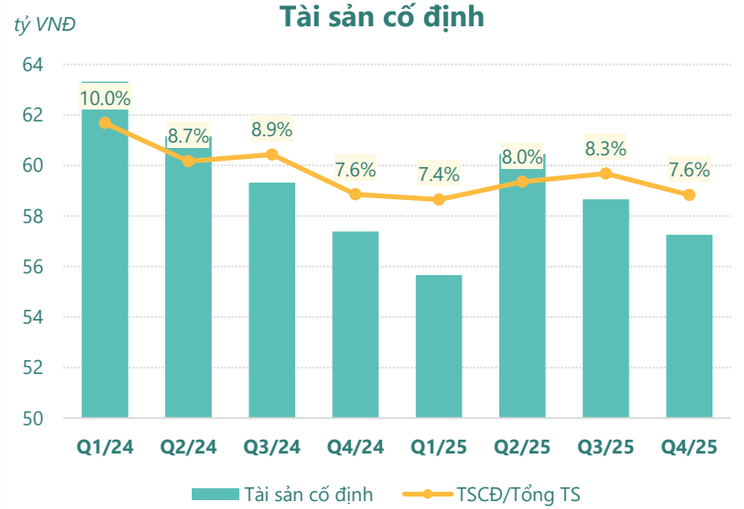
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



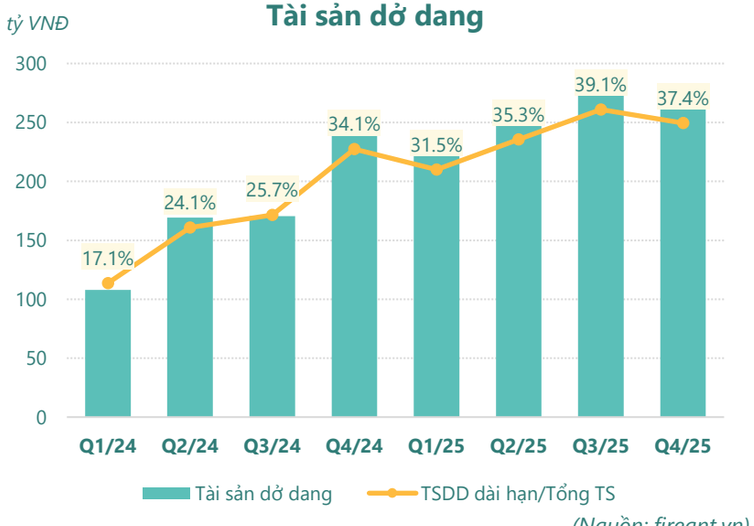
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



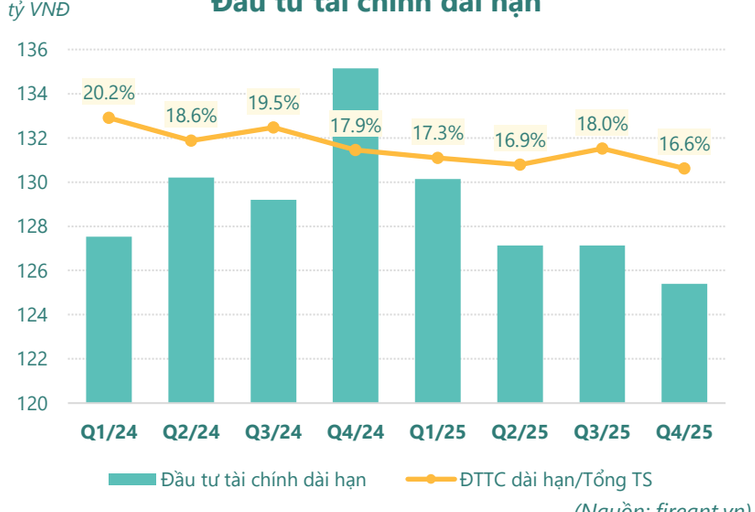
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



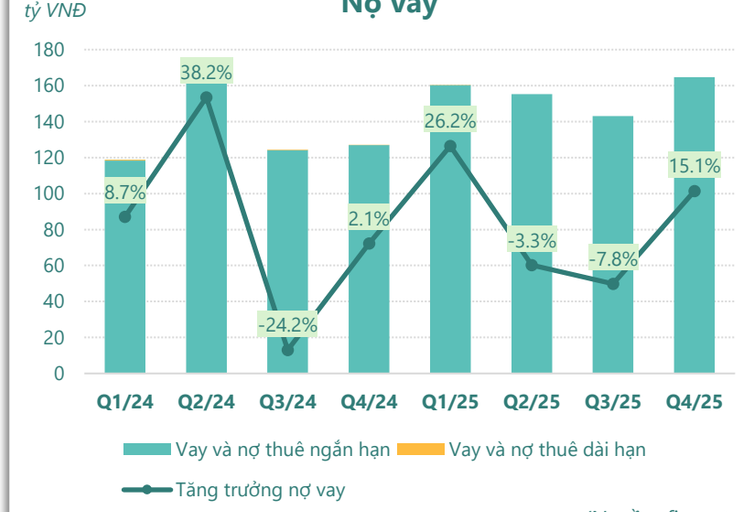
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

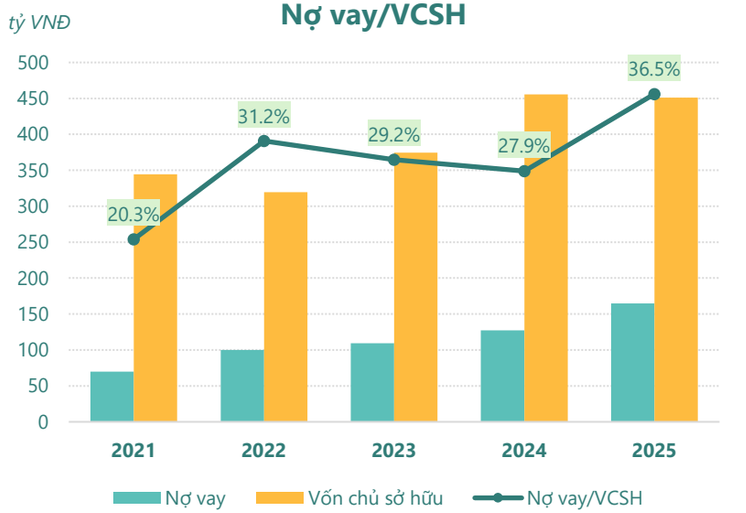
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

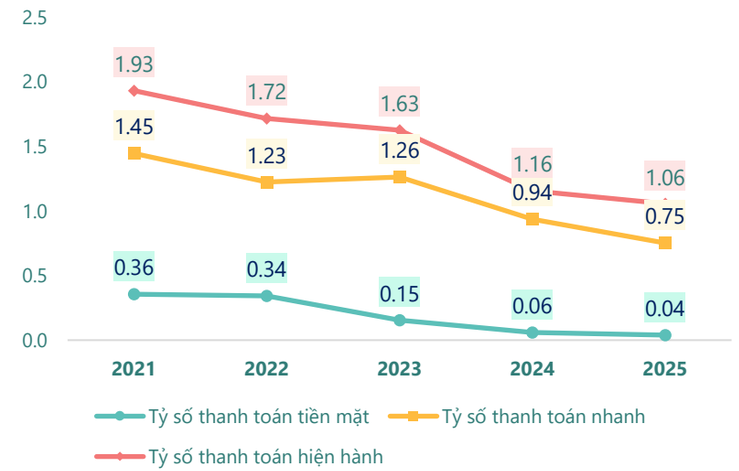
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



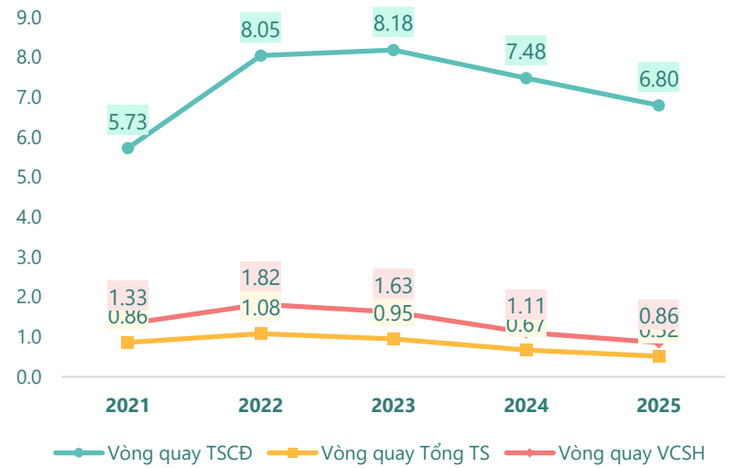
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



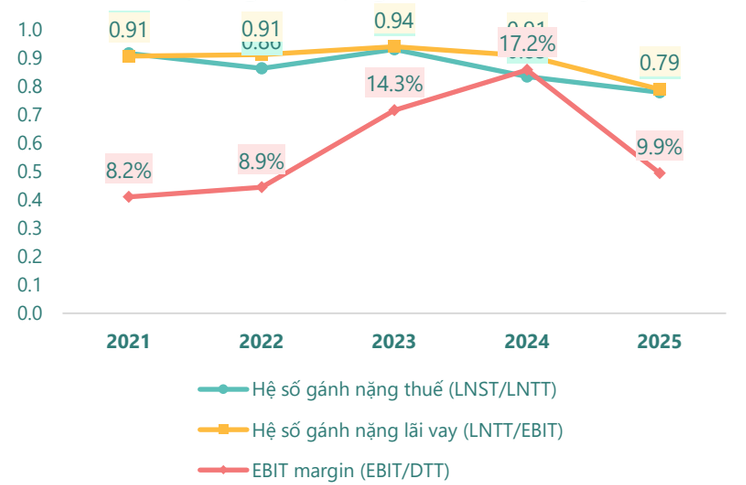
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



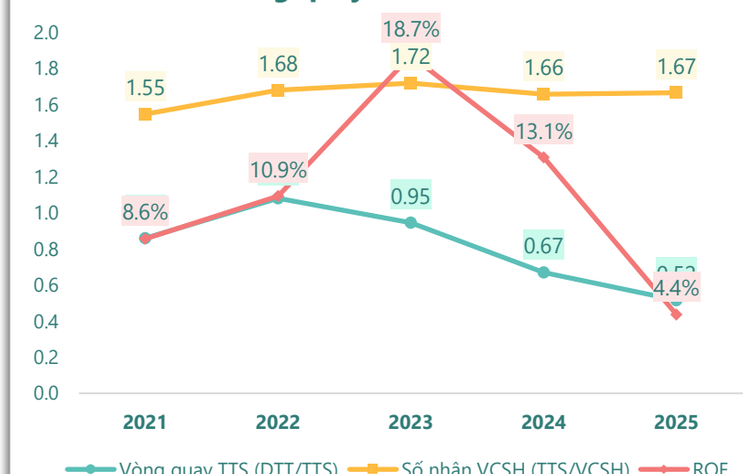
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



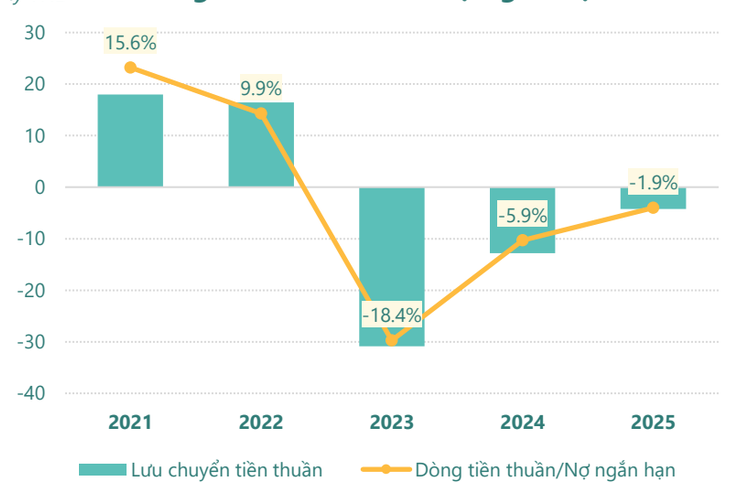
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**113**	**104**	**8.4%**	**390**	**462**	**-15.5%**
Giá vốn hàng bán	81.4	88.4	-7.9%	315	394	-20.0%
Lợi nhuận gộp	31.3	15.6	101%	74.6	67.4	10.6%
Doanh thu HĐTC	1.95	4.12	-52.6%	9.33	10.8	-13.8%
Chi phí TC	2.22	1.79	24.1%	8.57	8.35	2.6%
Chi phí lãi vay	2.13	1.90	12.3%	8.11	7.36	10.1%
LN trong công ty LKLD	**0.23**	**6.26**	**-96.3%**	**0.48**	**16.9**	**-97.2%**
Chi phí bán hàng	7.38	5.08	45.3%	21.4	20.0	6.9%
Chi phí QLDN	**8.40**	**7.79**	**7.8%**	**26.2**	**26.0**	**0.7%**
LN thuần từ HĐKD	15.5	11.3	36.9%	28.3	40.8	-30.7%
Lợi nhuận khác	**-0.88**	**32.3**	**-103%**	**2.06**	**30.9**	**-93.3%**
LN trước thuế	14.6	43.6	-66.6%	30.4	71.8	-57.7%
Lợi nhuận sau thuế	**11.3**	**35.9**	**-68.6%**	**23.7**	**59.9**	**-60.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**11.3**	**36.7**	**-69.3%**	**19.8**	**54.3**	**-63.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.31	-91.1	-40.9	56.8	-5.79	-39.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	33.9	37.5	0.51	7.05	-3.82	9.48
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-65.4	55.2	61.4	-33.1	-44.7	28.3
Tiền đầu kỳ	42.4	11.5	13.1	34.3	64.8	10.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-31.1**	**1.60**	**21.0**	**30.8**	**-54.3**	**-1.68**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.20	0	0.20	-0.19	0.01	0
Tiền cuối kỳ	11.5	13.1	34.3	64.8	10.6	8.89

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**756**	**754**	**0.2%**
Tài sản ngắn hạn	240	251	-4.5%
Tiền và tương đương tiền	8.89	13.1	-32.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.2	29.4	2.8%
Phải thu ngắn hạn	124	157	-20.6%
Hàng tồn kho	69.1	47.8	44.7%
Tài sản ngắn hạn khác	7.15	3.92	82.2%
Tài sản dài hạn	**516**	**503**	**2.5%**
Phải thu dài hạn	6.77	8.86	-23.5%
Tài sản cố định	57.3	57.4	-0.2%
Bất động sản đầu tư	29.7	30.4	-2.5%
Tài sản dở dang	283	257	10.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	125	137	-8.2%
Tài sản dài hạn khác	**14.0**	**13.4**	**4.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	305	299	1.9%
Nợ ngắn hạn	**227**	**217**	**4.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	165	127	29.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	23.2	16.0	44.8%
Nợ dài hạn	77.8	82.1	-5.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.22	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**451**	**456**	**-1.0%**
Vốn chủ sở hữu	**451**	**456**	**-1.0%**
Vốn điều lệ	275	275	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)